

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/NQ-HĐND

Rạch Giá, ngày 25 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và
dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch Tài chính- Ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện; ngân sách cấp xã năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Xét Tờ trình số 303/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 52/BC-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế-Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Nội dung cụ thể như sau (kèm theo phụ lục 01, 02, 03):

1. Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.614.480 triệu đồng. Gồm các khoản thu:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý: 8.300 triệu đồng.
- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 1.700 triệu đồng.
- Thuế công thương nghiệp DV ngoài quốc doanh: 343.000 triệu đồng,
- Thu lệ phí trước bạ: 124.000 triệu đồng
- Thuế phi nông nghiệp: 800 triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân: 118.250 triệu đồng
- Thuế bảo vệ môi trường 200 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất: 936.480 triệu đồng
- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 17.900 triệu đồng.
- Thu phí, lệ phí: 19.000 triệu đồng
- Thu khác ngân sách: 44.850 triệu đồng.

2. Tổng dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng: 1.194.008 triệu đồng. Bao gồm:

a. Ngân sách thành phố:

Tổng thu cân đối ngân sách được sử dụng: 1.100.019 triệu đồng

- Thu được hưởng theo phân cấp: 970.375 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh: 129.644 triệu đồng

b. Ngân sách phường, xã:

Tổng thu cân đối được sử dụng : 93.989 triệu đồng

- Thu được hưởng theo phân cấp: 29.102 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh: 64.887 triệu đồng

3. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2024

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương 1.194.008 triệu đồng. Bao gồm:

1. Ngân sách thành phố: 1.100.019 triệu đồng, chi tiết chi cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

- Chi đầu tư phát triển: 467.688 triệu đồng
- Chi thường xuyên: 619.932 triệu đồng
- Dự phòng: 12.399 triệu đồng

2. Chi ngân sách xã : 93.989 triệu đồng, gồm :

- Chi thường xuyên : 92.146 triệu đồng
- Chi dự phòng: 1.843 triệu đồng

Điều 2. Một số biện pháp chủ yếu tổ chức thực hiện tài chính ngân sách năm 2024.

1. Tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu theo Nghị quyết HĐND thành phố giao. Nâng cao chất lượng công tác dự báo thu, kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, tăng cường thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế, chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận thuế, nợ đọng thuế. Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tiếp tục phát huy kết quả đạt được, tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, đề ra các biện pháp xử lý có hiệu quả nợ đọng thuế kịp thời nộp vào ngân sách nhà nước và hạn chế phát sinh nợ đọng thuế mới, triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thuế theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật, nhất là các kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và tự kiểm tra trong việc quản lý và sử dụng ngân sách; Xử lý đầy đủ, kịp thời theo pháp luật đối với những cá nhân và tập thể vi phạm theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra; Tập trung đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai trong quản lý tài chính ngân sách theo đúng Luật ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan Tài chính - Thuế triển khai ngay từ đầu năm nhiệm vụ thu năm 2024 cho các địa phương, đơn vị, phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024 do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định để có nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán. Điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định; chủ động rà soát sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, bố trí kinh phí thực hiện đảm bảo trong phạm vi dự toán đã được phân bổ. Thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí; triệt để tiết kiệm các khoản chi liên quan đến mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, kinh phí hội nghị, hội thảo.

4. Thực hiện nhiều biện pháp thúc đẩy tăng thu, chú trọng các nguồn thu lớn như: thuế công thương nghiệp, thuế trước bạ, phí lệ phí và thu khác ngân sách. Riêng đối với nguồn thu tiền sử dụng đất ngay từ đầu năm phải có kế hoạch phối hợp Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất như: 02 khu đất quảng trường Trần Quang Khải; tuyến đường đê biển L2, L3 và L4-12... thường xuyên giám sát, theo dõi tiến độ các dự án, kịp thời đổi chiều khi có nguồn thu phát sinh, đồng thời tổ chức đấu giá các thửa đất đã đủ điều kiện nộp ngân sách nhằm đảm bảo dự toán thu tiền sử dụng đất đã được giao.

5. Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định, phấn đấu tăng thu để tăng tạo nguồn cải cách tiền lương của ngân sách và dành nguồn chủ động thực hiện các chính sách, chế độ an sinh xã hội theo quy định (sau khi đã đảm bảo nhu cầu cải cách tiền lương của địa phương).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định pháp luật hiện hành.

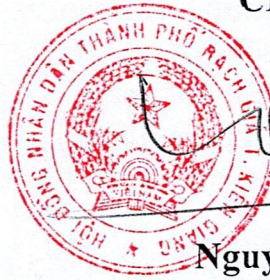
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá Khóa XII, Kỳ họp thứ mười sáu, thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Thường trực HĐND 12 phường, xã;
- Lãnh đạo UBND 12 phường, xã;
- Lưu.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nhỏ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của HĐND thành phố Rach Giá Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán Tỉnh giao	Dự toán HĐND TP giao	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)	1.614.480.000	1.614.480.000	
I	Tổng thu nội địa	1.614.480.000	1.614.480.000	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý			
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	8.300.000	8.300.000	
3	Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1.700.000	1.700.000	
4	Thuế công thương nghiệp DV ngoài quốc doanh	343.000.000	343.000.000	
	Thuế giá trị gia tăng	293.420.000	293.420.000	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.010.000	43.010.000	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.970.000	1.970.000	
	Thuế tài nguyên	4.600.000	4.600.000	
5	Lệ phí trước bạ	124.000.000	124.000.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800.000	800.000	
7	Thuế thu nhập cá nhân	118.250.000	118.250.000	
8	Thuế bảo vệ môi trường	200.000	200.000	
9	Thu tiền sử dụng đất	936.480.000	936.480.000	
10	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	17.900.000	17.900.000	
11	Thu phí lệ phí	19.000.000	19.000.000	
	- Trung ương, tỉnh	8.600.000	8.600.000	
	- Phí địa phương	2.700.000	2.700.000	
	- Lệ phí môn bài	7.700.000	7.700.000	
	+ Huyện	4.750.000	4.750.000	
	+ Xã	2.950.000	2.950.000	
12	Thu khác Ngân sách	44.850.000	44.850.000	
	- Trung ương, tỉnh	23.530.000	23.530.000	
	- Địa phương	21.320.000	21.320.000	
	- Thu khác về thuế			
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu			
III	Các khoản huy động, đóng góp			
*	Thu cân đối Ngân sách được hưởng	1.193.378.000	1.193.378.000	
	1. Ngân sách thành phố	1.100.019.000	1.100.019.000	
	2. Thu ngân sách phường, xã	93.359.000	93.359.000	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Kèm theo Nghị quyết số 23 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của HĐND thành phố Rach Giá

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	NỘI DUNG CHI	Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND thành phố giao	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng chi ngân sách	1.194.008.000	1.194.008.000	
A	Tổng chi ngân sách thành phố	1.100.019.000	1.100.019.000	
1	Chi đầu tư phát triển	467.688.000	467.688.000	
2	Chi thường xuyên	619.932.000	619.932.000	
a	Sự nghiệp kinh tế		71.215.750	
	- SN kiến thiết thị chính, các dự án quy hoạch		15.750.000	
	- Kinh phí nâng cấp đô thị, chăm sóc cây xanh, các dự án quy hoạch		19.800.000	
	- SN nông lâm, ngư nghiệp		8.350.000	
	- SN giao thông		15.430.000	
	- Chi các hoạt động địa chính		2.000.000	
	- Kinh phí hoạt động kinh tế khác		9.885.750	
b	Sự nghiệp môi trường		69.500.000	
c	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		359.807.976	
	- Chi SN giáo dục (có cả TT cộng đồng)		358.062.635	
	- SN đào tạo		1.745.341	
	- Chi dạy nghề			
d	Sự nghiệp Y tế			
e	SN Văn hóa TT, DL và phát thanh truyền hình		5.716.103	
f	Chi đảm bảo xã hội		43.416.234	
g	Chi quản lý hành chính		34.327.220	
	- Quản lý nhà nước		17.826.944	
	- Khối Đảng		12.013.772	
	- Khối đoàn thể		4.486.504	
h	Chi an ninh quốc phòng		6.640.101	
	- An ninh		1.771.113	
	- Quốc phòng		4.868.988	
i	Chi sự nghiệp khác		4.240.273	

j	Chi MSSC, chi khác và hỗ trợ hội đặc thù		6.031.890	
k	Chi khen thưởng		3.500.000	
l	Chi tạo nguồn thực hiện chính sách tiền lương		15.536.453	
3	Dự phòng	12.399.000	12.399.000	
4	Chi bổ sung ngân sách xã			
B	Tổng chi ngân sách cấp xã	93.989.000	93.989.000	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU - CHI NSNN PHƯỜNG, XÃ NĂM 2024

Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của HĐND thành phố Rach Gia

Đơn vị: 1.000 đồng

ĐIỀN GIẢI	Tổng DT 2024	Vĩnh Thanh Vân	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Thanh	Vĩnh Quang	Vĩnh Lạc	Vĩnh Bảo	Vĩnh Hiệp	An Hòa	An Bình	Vĩnh Thông	Phi Thông
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	516.720.000	34.225.000	22.340.000	16.405.000	65.901.000	52.935.000	104.495.000	41.795.000	19.445.000	132.398.000	19.230.000	3.795.000	3.756.000
I. Thu ngân sách Chi cục thuế quản lý	505.450.000	33.645.000	21.690.000	16.150.000	65.150.000	51.580.000	102.710.000	40.890.000	18.720.000	130.230.000	18.660.000	2.525.000	3.500.000
1/. Thuế công thương nghiệp ngoài QĐ	343.000.000	26.610.000	12.050.000	12.020.000	55.800.000	28.210.000	81.170.000	26.460.000	13.320.000	75.510.000	10.130.000	630.000	1.090.000
- Thuế GTGT	293.420.000	23.390.000	10.830.000	10.340.000	54.100.000	23.760.000	61.050.000	19.990.000	11.590.000	67.960.000	8.790.000	620.000	1.000.000
- Thuế TNDN	43.010.000	3.200.000	1.210.000	1.680.000	1.500.000	4.310.000	15.000.000	5.860.000	1.730.000	7.200.000	1.220.000	10.000	90.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.970.000	20.000			20.000	40.000	820.000	610.000		340.000	120.000		
- Thuế tài nguyên	4.600.000		10.000		180.000	100.000	4.300.000			10.000			
2/. Thuế thu nhập cá nhân	37.450.000	2.635.000	4.500.000	1.200.000	2.580.000	4.150.000	8.570.000	4.950.000	500.000	6.400.000	1.600.000	115.000	250.000
3/. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800.000	40.000	40.000	50.000	100.000	80.000	160.000	140.000	10.000	120.000	60.000		
4/. Thu lệ phí trước bạ	124.000.000	4.360.000	5.100.000	2.880.000	6.670.000	19.010.000	12.810.000	9.340.000	4.890.000	48.130.000	6.870.000	1.780.000	2.160.000
5/. Thuế bảo vệ môi trường	200.000					130.000				70.000			
II. Thu ngân sách phòng tài chính quản lý	11.270.000	580.000	650.000	255.000	751.000	1.355.000	1.785.000	905.000	725.000	2.168.000	570.000	1.270.000	256.000
1/. Phí, lệ phí, trong đó:	8.470.000	510.000	525.000	230.000	655.000	1.075.000	1.530.000	795.000	545.000	1.959.000	460.000	55.000	131.000
- Lệ phí hộ tịch 100%	358.000	40.000	15.000	10.000	30.000	45.000	20.000	53.000	20.000	45.000	20.000	15.000	45.000
- Phí chứng thực 50%	412.000	45.000	20.000	25.000	20.000	75.000	40.000	42.000	30.000	45.000	40.000	5.000	25.000
- Lệ phí môn bài	7.700.000	425.000	490.000	195.000	605.000	955.000	1.470.000	700.000	495.000	1.869.000	400.000	35.000	61.000
2/. Thu khác ngân sách	2.800.000	70.000	125.000	25.000	96.000	280.000	255.000	110.000	180.000	209.000	110.000	1.215.000	125.000
* Thu ngân sách xã được sử dụng	93.989.000	7.082.352	7.201.386	6.249.986	8.324.062	9.647.774	7.036.123	7.064.603	7.109.620	8.621.213	7.715.901	6.492.698	7.536.179
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC PHƯỜNG, XÃ	93.989.000	7.082.352	7.201.386	6.249.986	8.324.062	9.647.774	7.036.123	7.064.603	7.109.620	8.621.213	7.715.901	6.492.698	7.536.179
Biên chế được duyệt	260	22	22	20	22	22	22	22	22	22	22	20	22
Biên chế có mặt hiện tại	253	21	22	19	20	21	21	22	21	22	22	20	22
Biên chế thiếu	7	1	0	1	2	1	1	0	1	0	0	0	0
Số lượng khu phố, ấp	72	5	5	4	8	10	5	5	5	8	6	5	6
I. Chi thường xuyên	92.145.600	6.933.952	7.054.786	6.127.286	8.155.462	9.448.474	6.882.223	6.919.003	6.962.620	8.444.613	7.557.901	6.363.698	7.388.479
* Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	51.050.942	4.154.752	4.291.264	3.829.216	4.416.424	4.842.086	4.170.952	4.111.120	4.305.520	4.474.096	4.371.976	3.813.840	4.269.696
* Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	41.094.658	2.779.200	2.763.522	2.298.070	3.739.038	4.606.388	2.711.271	2.807.883	2.657.100	3.970.517	3.185.925	2.549.858	3.118.783
II. Dự phòng	1.843.400	148.400	146.600	122.700	168.600	199.300	153.900	145.600	147.000	176.600	158.000	129.000	147.700